| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN ĐỀ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày: 25 – 10 – 2019.
V/v tranh chấp " Hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Ông Huỳnh Quốc Khởi.

2/Ông Trần Huy Tùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc D, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã V, tỉnh S.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã V, tỉnh S (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2019).

*Bị đơn:*

1/Ông Lý Văn T, sinh năm 1968 (Có mặt).

2/Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày như sau:*

Bà Phạm Ngọc D có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T làm chủ cụ thể như sau: Dây hụi 5.000.000đ (Năm triệu đồng), loại hụi tháng,

khui lần đầu vào ngày 20/6/2015 (nhằm ngày 05/5/2015 âm lịch), có 04 người chơi, bà D tham gia 04 phần. Đóng được 13 lần hụi sống với tổng số tiền 208.000.000đ (04 phần x 4.000.000đ x 13 lần ). Do tin tưởng và cũng là thông lệ chung của địa phương nên việc chơi hụi không có lập sổ hụi, hàng tháng bà D đem tiền đến nhà đóng cho vợ chồng bà H, ông T tại địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S. Sau khi biết được hụi đã mãn bà D có đến gặp vợ chồng bà H, ông T đòi lại tiền thì vợ chồng bà H, ông T cho rằng đang gặp khó khăn xin trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến khi dứt nợ, bà D không đồng ý. Đến khi bà D yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vì không muốn trả nợ nên vợ chồng bà H, ông T lại nại ra việc con gái bà H là Lý Thị Kiều P mới là chủ hụi.

Nay bà Phạm Thị B đại diện cho bà Phạm Ngọc D yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà D số tiền đã nhận là 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà Phạm Ngọc D có tham gia dây hụi tháng, loại hụi 5.000.000đ/tháng, bà Du đã đóng được 13 lần, mỗi lần 16.000.000đ. Tổng số tiền hụi mà bà D đã đóng là 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng). Tuy nhiên bà H không thừa nhận bà có nợ bà D. Vì bà D tham gia chơi hụi với chị Lý Thị Kiều P (con gái của bà H), những lần bà D đến đóng tiền hụi do con gái không có ở nhà nên bà H đã nhận tiền hụi thay sau đó đưa lại cho con gái. Còn nợ hụi như thế nào thì bà H không rõ. Vì vậy qua yêu cầu của bà Phạm Ngọc D bà Nguyễn Thị H không đồng ý.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn, ông Lý Văn T trình bày:*

Ông T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị H. Hơn nữa ông T không có trực tiếp tham gia góp hụi, việc góp hụi là do vợ và con gái (Lý Thị Kiều P) của ông trực tiếp giao dịch. Qua yêu cầu của bà Phạm Ngọc D ông T không đồng ý.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc bà Phạm Ngọc D yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T hoàn trả toàn bộ số tiền hụi đã nhận 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc D.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "…Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan". Trong vụ án này Tòa án xác định chị Lý Thị Kiều P (con gái bà Nguyễn Thị H) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn trong vụ án. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P nhưng vợ chồng bà H, ông T không cung cấp được. Do đó Tòa án không thể đưa chị Lý Thị Kiều P vào tham gia tố tụng. Quyền và nghĩa vụ của chị P sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[2] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Hợp đồng góp hụi các bên không tuân thủ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường cụ thể như sau: Chủ hụi không lập và giữ sổ hụi; Tên, địa chỉ của chủ hụi và các hụi viên; Phần hụi, kỳ mở hụi, số tiền hụi đã góp hoặc đã hốt; Chữ ký hoặc điểm chỉ của các hụi viên khi góp hụi và hốt hụi...Do đó không có căn cứ để xác định ai là chủ hụi thực sự (Bà Nguyễn Thị H hay chị Lý Thị Kiều P). Tuy nhiên bà H thừa nhận bà Phạm Ngọc D có tham gia góp hụi và đã đóng hụi được 13 kỳ, bà là người nhận tiền với tổng số tiền là 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng). Do đó căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định bà D có tham gia góp hụi với số tiền 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng) là có thật. Vấn đề cần xem xét, giải quyết trong vụ án này là ai là người có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ hụi 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng) cho bà Phạm Ngọc D:

- Theo bà H trình bày bà D tham gia góp hụi do chị Lý Thị Kiều P (con gái của bà H) làm chủ, bà H chỉ nhận tiền hụi thay cho chị P. Ngoài lời trình bày ra bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ pháp luật. Tòa án yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ, nơi cư trú hiện nay của chị Lý Thị Kiều P để Tòa án làm rõ trách nhiệm, ai là người có nghĩa vụ hoàn trả tiền hụi nhưng bà H không cung cấp được cho Tòa án. Do đó lời trình bày của bà H không có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Ngược lại người làm chứng, bà Quang Thị Kiều P là hụi viên tham gia góp hụi chung với bà D cho biết: *"Bà H là chủ hụi thật sự. Vì bà H là người trực tiếp nhận tiền góp hụi và khi hốt hụi bà H cũng là người trực tiếp giao trả tiền hụi. Bà P hốt hụi lần thứ 6. Bà H là người trực tiếp giao tiền hụi cho bà P".* Như vậy bà H là người trực tiếp nhận tiền từ bà Phạm

Ngọc D do đó bà D khởi kiện yêu cầu bà H hoàn trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ pháp luật.

[3] Đối với ông Lý Văn T (chồng bà H) cho rằng không trực tiếp tham gia góp hụi, việc góp hụi là do bà H và con gái (Lý Thị Kiều P) của ông trực tiếp giao dịch nên ông T không đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà D. Qua lời trình bày của ông T nhận thấy: Quá trình thực hiện giao dịch góp hụi của vợ và con gái, ông T có biết nhưng không biết cụ thể, chi tiết số tiền bao nhiêu vì không trực tiếp tham gia. Nhưng việc góp hụi là hợp đồng giao dịch hợp pháp mục đích góp hụi của bà H là có thêm thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng và vợ hoặc chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản. Như vậy mặc dù ông T không trực tiếp giao dịch về hụi nhưng ông T cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H hoàn trả số tiền nợ hụi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó bà D yêu cầu Tòa án buộc cả ông T và bà H cùng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ hụi là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 68; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 8; Điều 9 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D.
- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Ngọc D số tiền hụi đã nhận là 208.000.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Ngọc D cho đến khi thi hành án xong mà vợ chồng bà H, ông T chậm trả tiền thì bà H, ông T còn

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp 10.400.000đ (Mười triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Bà Phạm Ngọc D không phải chịu án phí. Bà D được nhận lại 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005799 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**